

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HSST

Ngày: 18.01.2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quý Đôn

2. Ông Nguyễn Trần Hiếu

3. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: ông Trần Uyên Vũ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: ông Nguyễn Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18.01.2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/ 2017/HSST ngày 15.11.2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02 ngày 03.01.2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đối với bị cáo:

NGUYỄN TRÍ Đ, sinh năm 1989

Đăng ký thường trú: Đường T, phường C, quận K, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: đường B, khu dân cư P, phường P, quận R, thành phố Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không

Học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: nguyên giám đốc Chi nhánh Cần Thơ – Công ty BK.

Con ông Nguyễn Văn N (s) và bà Hồ Ngọc D (s)

Vợ: Võ Tuyết Anh, có 01 người con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 14.02.2017 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên toà.

Có Luật sư Võ Thanh T– Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ bào chữa cho bị cáo.

*** Bị hại:**

Công ty trách nhiệm hữu hạn khu mua sắm đệ nhất BK.

Trụ sở: T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thùy Lan H.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1981.

Trú tại: D, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ đại diện. Có mặt.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Kim T. Sinh năm 1986. Có mặt.

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở số T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Ngô Thị Mỹ N. Sinh năm 1988. Có mặt.

Trú tại: T, phường K, quận K, thành phố Cần Thơ.

3. Mai Quốc C, sinh năm 1988. Có mặt.

Trú tại: H, phường G, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyễn Minh K. Sinh năm 1989. Có mặt.

Trú tại: xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở phường H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trương Thanh T, sinh năm 1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại xã T, huyện T, tỉnh Long An.

6. Lê Văn T, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Trú tại: phường P, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

7. Nguyễn Hải Sơn L. Sinh năm 1979. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Trú tại: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Lại Châu B. Sinh năm 1965. Vắng.

Trú tại: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Lê Thị Kim T, sinh năm 1968. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Đỗ Thị L, sinh năm 1962. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: phường N, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

11. Trương Đình C. Sinh năm 1954. Vắng.

Trú tại: phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Trần Lợi M. Sinh năm 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: phường A, quận K, thành phố Cần Thơ.

13. Trần Phong P. Vắng.

Trú tại: phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Dương Văn M1. Vắng.

Trú tại: phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Trần Hồng P1. Sinh năm 1971. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

16. Nguyễn Hồng P2. Sinh năm 1983. Vắng.

Trú tại: phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

17. Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1993. Vắng.

Trú tại: phường K, quận K, thành phố Cần Thơ.

18. Trần Thị Mỹ H. Sinh năm 1971. Vắng.

Trú tại: phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Trịnh Ngọc H. Sinh năm 1979. Vắng.

Trú tại: phường H, quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Nguyễn Văn N. Sinh năm 1958. Vắng.

Địa chỉ: phường C, quận K, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: phường P, quận R, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn khu mua sắm đệ nhất BK (sau đây gọi tắt là Công ty BK) có trụ sở chính tại 431A Hoàng Văn T, phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh kinh doanh các mặt hàng điện máy, điện lạnh, điện gia dụng và một số mặt hàng khác. Tại thành phố Cần Thơ, Công ty có 02 chi nhánh hoạt động kinh doanh gồm Chi nhánh Cần Thơ 1 tại số 06 đường B, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ; chi nhánh 2 tại số T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Năm 2012, Nguyễn Trí Đ ký hợp đồng lao động với Công ty BK và được bố trí làm nhân viên bán hàng tại trụ sở chính của công ty. Đến tháng 6/2014, Đ được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty BK, chi nhánh Cần Thơ 2. Tháng 4/2015 Đ tiếp tục được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty BK chi nhánh Cần Thơ 1.

Theo nguyên tắc bán hàng của Công ty BK thì việc bán hàng chỉ bán tiền mặt không bán thiếu, nếu bán tại quầy thì kế toán quầy sẽ ra hóa đơn cho khách, nếu hàng giao tại quầy thì sẽ thu đủ tiền, còn giao hàng tại nhà thì sẽ tạm ứng trước một phần, sau đó nhân viên giao hàng sẽ thu đủ số tiền còn lại rồi giao cho kế toán; trường hợp bán hàng theo hợp đồng thì kế toán dựa theo hợp đồng xuất hóa đơn, kế toán công nợ sẽ theo dõi việc thu tiền của khách hàng; hàng hóa chỉ được xuất kho khi có hóa đơn bán hàng của kế toán, sau đó nhân viên bán hàng đưa hóa đơn cho thủ kho để làm thủ tục xuất kho và sau khi xuất hàng khỏi kho thủ kho xác nhận hàng đã được xuất khỏi kho thì hệ thống quản lý bán hàng VNES sẽ tự động xuất số hàng tồn kho ra, để chi nhánh và Công ty tổng quản lý số hàng nhập về, số hàng bán ra, số hàng tồn kho và số tiền hàng còn nợ. Giám đốc chi nhánh được toàn quyền quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của chi nhánh.

Từ tháng 4/2015, để có tiền chơi cá độ bóng đá và trả nợ, Nguyễn Trí Đ đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là giám đốc Chi nhánh của công ty chỉ đạo cho Ngô Thị Mỹ N là cửa hàng trưởng xuất kho đưa hàng cho Đ bán ra thị trường và yêu cầu kế toán trưởng Chi nhánh Cần Thơ Nguyễn Kim T không xuất hóa đơn, không nhập mặt hàng đã xuất kho vào hệ thống quản lý bán hàng VNES và báo cáo không về Công ty BK là hàng vẫn tồn kho đối với các mặt hàng Đ đã xuất bán. Trước khi lấy hàng, Đ nói với N và T để chạy doanh số cho công ty đồng thời Đ cũng có nhiều lần nộp tiền bán

hàng về công ty nên N và T không biết việc Đ lấy hàng đem bán để chiếm đoạt tiền đã làm theo sự chỉ đạo của Đ.

Từ tháng 4/2015 đến ngày 07/02/2017 Đ nhiều lần lấy hàng ra khỏi kho và thuê xe Tô Châu chuyển hàng đến thành phố Hồ Chí Minh nhờ Mai Quốc C và Nguyễn Minh K bán hàng, lấy tiền đưa cho Đ, Đ chi tiền hoa hồng cho K, C và nói là hàng hóa của Công ty BK bán để chạy doanh số nên K, C đồng ý giới thiệu cho Trương Thanh T (Công ty điện máy GK), Lê Văn T (Công ty MT), Nguyễn Hải Sơn L (Công ty LT), Lại Châu B (Công ty Lại Châu B), Lê Thị Kim T (Công ty Hồng Lợi N), Đỗ Thị L (Công ty Phúc Ngọc A), Trương Đình C (Công ty KA) và một số mặt hàng Đ bán cho Trần Lợi M (Công ty VH). Sau khi nhận tiền bán hàng, C và K chuyển khoản qua hệ thống Ngân hàng Sacombank cho Đ. K được hưởng hoa hồng khoảng 80.000.000 đồng; C được hưởng hoa hồng khoảng 200.000.000 đồng từ việc bán hàng cho Đ. Quá trình lấy hàng đem bán Đ có thanh toán lại một phần tiền hàng cho Công ty BK.

Ngày 25/7/2016, Đ nghe thông tin có đoàn kiểm toán của Công ty BK đến kiểm tra nên yêu cầu Ngô Thị Mỹ N kiểm lại hàng hóa đã bán chưa thanh toán do sau khi Đ lấy hàng ra khỏi kho N có lập file Excel để theo dõi số lượng hàng, tiền chưa thanh toán để đối chiếu thường xuyên với Đ. Qua kiểm tra, N báo Đ còn nợ công ty số tiền 10.887.901.000 đồng nên Đ về nhà mượn tiền của cha ruột được 4.500.000.000 đồng mang nộp cho công ty, số tiền còn lại sợ bị kiểm tra phát hiện nên Đ thuê Trần Phong P – cơ sở khắc dấu Phong Phú ở số 109/5 đường Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh làm giả hai con dấu của Trung tâm thể dục thể thao thành phố Cần Thơ và Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ. Sau đó, Đ soạn thảo Hợp đồng kinh tế ghi ngày 28/7/2016 cung cấp gói mua sắm, cung cấp thiết bị với Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ với giá trị hợp đồng là 06 tỷ đồng và một hợp đồng ghi ngày 29/7/2016 với Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ với giá trị là 1,6 tỷ đồng. Đ giả chữ ký của bà Trần Thị Ngọc Đ1 là Giám đốc Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ và giả chữ ký của bà Huỳnh Minh P3 là quyền Giám đốc Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ rồi đóng các dấu tròn giả lên chữ ký. Đ mang các hợp đồng này cho bà Võ Thùy Lan H ký với tư cách Giám đốc Công ty BK, do tưởng các hợp đồng này là thật bà H đã ký vào 02 hợp đồng trên. Ngày 02/8/2016, Đ đưa cho Nguyễn Kim T 02 bản Hợp đồng kinh tế giả này kèm theo 01 file Excel ghi số lượng từng mặt hàng, giá trị hàng hóa theo 02 hợp đồng giả (số lượng hàng này Đ đã lấy bán trước đó không có xuất hóa đơn, chưa thanh toán tiền cho Công ty BK), yêu cầu T xuất hóa đơn cho số lượng hàng hóa này vì khi xuất hóa đơn và quản lý kho xác nhận hàng đã xuất khỏi kho thì trên hệ thống quản lý bán hàng VNES sẽ xuất hàng tồn kho ra khỏi hệ thống quản lý bán hàng, T kiểm tra giá trị tiền hàng theo Hợp đồng với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ trên các file Excel mà Đ đưa thấy nhiều hơn so với giá trị ghi trên hợp đồng là 1.750.000.000 đồng nên báo lại cho Đ thì Đ nói sẽ bổ sung phụ lục hợp đồng sau, Đ nói hàng hóa ghi trên 02 hợp đồng này đã xuất bán trước đó nên T xuất hóa đơn với số lượng hàng hóa ghi trên file Excel với tổng giá trị tiền hàng là

9.350.100.000 đồng nhưng số hàng hóa Đ chưa thanh toán vẫn còn ghi nhận trên hệ thống quản lý bán hàng và Đ nộp lại công ty số tiền khoảng 1,3 tỷ đồng để trả nợ tiền hàng Đ nợ chưa thanh toán trước đó. Vào ngày 03.8.2016, Kiểm toán chỉ kiểm tra hóa đơn, chứng từ, hàng tồn trên hệ thống VNES rồi đối chiếu với hàng tồn thực tế tại kho nên không phát hiện Đ đã chiếm đoạt tiền hàng của công ty.

Như vậy, đến ngày 03/8/2016 Đ đã chiếm đoạt của Công ty khoảng 9,5 tỷ đồng. Ngày 15.8.2016, Đ soạn thảo 01 phụ lục hợp đồng kinh tế giả của Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ với giá trị ghi trong phụ lục là 1.750.000.000 đồng đưa cho Nguyễn Kim T để lưu giữ. Đến cuối năm 2016 Đ nộp hết về công ty số tiền hàng đã nợ theo giá trị tiền hàng ghi trên hợp đồng giả với Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ số tiền là 1.600.100.000 đồng và nộp số tiền 2.312.559.810 đồng theo giá trị tiền hàng ghi trên hợp đồng với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ. Đến ngày 22/12/2016 để gia hạn việc trả lại số tiền Đ đã chiếm đoạt theo hợp đồng giả với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ, Đ làm giả 01 văn bản của Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ với nội dung Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ còn nợ Công ty BK số tiền 5.925.679.000 đồng và cam kết đến ngày 27/12/2016 sẽ thanh toán hết. Đ giả chữ ký của bà Trần Thị Ngọc Đ1, đóng dấu tròn màu đỏ giả của Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ lên hợp đồng rồi scan gửi qua mạng cho bà H. Từ sau ngày 03/8/2016 đến ngày 07/02/2017 Đ tiếp tục yêu cầu N xuất hàng nhiều lần ra khỏi kho cho Đ đưa cho Mai Quốc C và Nguyễn Minh K đem bán ra ngoài thị trường để chiếm đoạt tiền hàng của Công ty BK.

Đến ngày 08/02/2017, Công ty BK thấy doanh số bán hàng sụt giảm đáng kể nên tiến hành kiểm tra đột xuất toàn diện việc kinh doanh, kiểm tra hàng tồn kho trên hệ thống quản lý bán hàng VNES và kiểm tra kho nhưng không kiểm tra tiền hàng bán theo hợp đồng, tiền hàng đã xuất hóa đơn còn nợ chưa thanh toán của Chi nhánh Cần Thơ 1 và 2 phát hiện Đ đã chiếm đoạt ngành hàng điện lạnh 8.425.650.064 đồng; hàng điện máy 8.817.508.012 đồng; hàng gia dụng 26.540.159 đồng. Sau đó kiểm tra tiền hàng đã xuất hóa đơn chưa thanh toán, tiền hàng còn nợ theo hợp đồng thì phát hiện Đ còn chiếm đoạt 12 bộ máy lạnh hiệu Daikin trị giá 84.600.000 đồng, số tiền còn lại nợ theo hợp đồng giả với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ là 5.437.440.190 đồng (do khi Đ đưa hợp đồng giả này cho T yêu cầu xuất hóa đơn thì số lượng hàng tồn kho được xuất ra khỏi hệ thống quản lý bán hàng VNES nhưng vẫn còn ghi công nợ). Ngoài ra, ngày 02/11/2016 Công ty chuyển tiền vào tài khoản của Đ để mua thêm hàng điện lạnh, điện máy bên ngoài với số tiền 732.240.000 đồng, Đ đưa cho Trần Minh T- nhân viên Công ty BK 50.000.000 đồng để mua hàng, còn lại 682.240.000 đồng Đ chiếm đoạt. Trong đó, tổng số tiền chưa thanh toán bà H kiểm tra lại xác nhận cho Đ duyệt chi số tiền hàng làm quà tặng để duy trì mối quan hệ với khách hàng, giá trị tiền hàng là 124.128.722 đồng. Như vậy, tổng số tiền Đ chiếm đoạt của Công ty BK là 23.349.849.702 đồng.

Đến ngày 11/02/2017, bà H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ tố giác hành vi của Đ và ngày 14.02.2017 Đ đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Qua khám xét tại nhà của Đ ngày 14/02/2017 đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án gồm: 01 con dấu hình tròn, màu đỏ có nội dung ghi “TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH TP. CẦN THƠ”; 01 con dấu hình tròn, màu đỏ có nội dung ghi “CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TP. CẦN THƠ”; 01 CON DẤU TÊN MÀU ĐỎ, DẤU GHI Thiếu tướng Trần Thị Ngọc Đ1, 01 Hợp đồng kinh tế số 49/HĐKT/DA ngày 26/12/2016 giữa Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Trung Quân với Trung tâm thể dục thể thao thành phố Cần Thơ và chữ ký tên Huỳnh Minh P3; 01 văn bản về việc xác nhận và thanh lý hợp đồng kinh tế số 48/2016/HĐKT bên dưới ghi Giám đốc, có hình con dấu tròn màu đỏ ghi “CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TP. CẦN THƠ” có chữ ký và tên bà Trần Thị Ngọc Đ1; 02 văn bản về việc xác nhận và thanh toán hợp đồng số 48/2016/HĐKT bên dưới có ghi Giám đốc và chữ ký ghi tên Trần Thị Ngọc Đ1, 01 ổ cứng di động hiệu HD Enclosure, 01 bao thư của Viettel Post.

Nguyễn Thị Thu C – nhân viên khách sạn Senior giao nộp 01 giấy căn cước công dân tên Nguyễn Trí Đ, 01 laptop hiệu Macbook của Đ để lại tại khách sạn.

Đ giao nộp 01 đồng hồ hiệu Rolex, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone.

Bà Võ Thùy Lan H giao nộp 01 Hợp đồng kinh tế và 01 phụ lục hợp đồng kinh tế giữa Công ty BK với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ, giá trị ghi trong hợp đồng là 6.000.000.000 đồng và phụ lục hợp đồng là 1.750.000.000 đồng.

Nguyễn Kim T giao nộp 01 Hợp đồng kinh tế giữa Công ty BK và Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ, giá trị ghi trong hợp đồng là 1.600.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 61/KLGD-PC54 ngày 31/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH TP. CẦN THƠ” trên tài liệu giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TP. CẦN THƠ” trên tài liệu giám định ký hiệu từ A4 đến A6 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Không có cơ sở kết luận chữ ký mang tên Huỳnh Minh P3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1, A2 so với chữ ký của Huỳnh Minh P3 trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Không có cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Thị Ngọc Đ1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A4, A5 so với chữ ký của Trần Thị Ngọc Đ1 trên tài liệu mẫu ký hiệu M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại bản kết luận số 191/KLGD – PC54 ngày 20/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận:

- Hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Thị Ngọc Đ1 trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Đối với vật chứng thu giữ khi khám xét là 01 Hợp đồng kinh tế số 49/HĐKT/DA ngày 26/12/2016 giữa Công ty TNHH đầu tư, thương mại và dịch vụ Trung Quân với Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ là hợp đồng do Đ làm giả, vì Đ định mua hàng điện lạnh của ông Dương Văn M1 – Giám đốc công ty Trung Quân và để có hàng bán cho Đ thì ông M1 phải lấy hàng từ công ty Toshiba, ông M1 khai để được Công ty Toshiba hỗ trợ giá thì phải có hợp đồng kinh tế giữa bên mua và bên bán, nhưng không có yêu cầu Đ làm giả hợp đồng, nên Đ đã soạn thảo hợp đồng rồi ký tên bà Huỳnh Minh P3– Quyền Giám đốc trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ là người đại diện bên mua và đóng dấu tròn màu đỏ giả của trung tâm thể dục, thể thao lên hợp đồng định đưa cho ông M1 ký vào đại diện bên bán hàng để đưa cho Công ty Toshiba. Do Toshiba không còn hỗ trợ giá nữa nên Đ không đưa cho ông M1 ký hợp đồng mà để lại tại nhà của Đ.

Đối với Mai Quốc C, Nguyễn Minh K có bán giúp hàng hóa do Đ chiếm đoạt của Công ty BK ra ngoài thị trường nhưng do Đ nói lấy hàng hóa bán nhằm chạy doanh số cho công ty, C và K không biết đó là hàng hóa Đ chiếm đoạt nên không khởi tố, xử lý.

Những người đã mua hàng của Đ thông qua C, K giới thiệu hoặc Đ trực tiếp bán không biết các hàng hóa này là do Đ chiếm đoạt mà có, chỉ nghe C, K nói là hàng bán để đạt doanh số, có đòi hóa đơn nhưng hứa hẹn rồi không giao, thấy hàng giá rẻ hơn thị trường từ 5 – 15% nên mua nên không có căn cứ để khởi tố. Ngoài ra, do thời gian mua hàng đã lâu và phần lớn hàng hóa đã bán cho người tiêu dùng nên chỉ thu hồi lại được 74 mặt hàng gồm tivi, tủ lạnh, máy giặt có nguồn gốc từ Công ty BK do các chủ cửa hàng giao nộp lại, không có yêu cầu bồi thường. Số hàng này qua xác định giá của Công ty BK trị giá là 676.400.000 đồng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả các tài sản trên cho Công ty BK.

Nguyễn Trí Đ khai số tiền chiếm đoạt sử dụng vào việc cá độ bóng đá ăn tiền với Trần Hồng P1, Nguyễn Hồng P2, Nguyễn Vũ Phú C. Tuy nhiên, sau khi Đ bị bắt, tài khoản tham gia cá độ qua mạng đã bị khóa nên không kiểm tra được. Qua đối chất, P1 và P2 không thừa nhận có hành vi tổ chức cá độ bóng đá ăn tiền, C không có mặt tại địa phương nên không làm việc được, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

Đối với Ngô Thị Mỹ N có xuất hàng ra khỏi kho của Công ty BK cho Nguyễn Trí Đ đem bán và Nguyễn Kim T không xuất hóa đơn khi Đ lấy hàng và không báo cáo về công ty số lượng hàng mà Đ đã lấy đem bán nhưng do N và T chỉ là nhân viên cấp dưới làm theo sự chỉ đạo của Đ, không được hưởng lợi, không biết việc Đ lấy

hàng đem bán để chiếm đoạt tiền của Công ty chỉ vi phạm về nguyên tắc bán hàng, quy định nội bộ của công ty nên cơ quan điều tra không khởi tố, xử lý.

Đối với Trần Phong P, theo Đ khai là người đã làm giả 02 con dấu của Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Cần Thơ và Trung tâm Thẻ dực thể thao thành phố Cần Thơ không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Điều tra còn tiếp nhận đơn của ông Hứa Kim Đ tố giác Nguyễn Trí Đ đã có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông. Xét vụ việc xảy ra trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu nên đã hướng dẫn ông Đ1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi Nguyễn Trí Đ bị khởi tố, gia đình của Đ đã bồi thường thiệt hại cho Công ty BK 100.000.000 đồng. Bà Võ Thùy Lan H yêu cầu Nguyễn Trí Đ phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 22.573.449.702 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung Cáo trạng truy tố. Chấp nhận giá trị hàng thu hồi về cho Công ty BK là 676.400.000 đồng và khoản tiền được tính vào chi phí quan hệ khách hàng là 124.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại đồng ý với nội dung Cáo trạng và yêu cầu xử lý nghiêm hành vi của bị cáo do đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho bị hại. Đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tổng cộng là 22.753.449.702 đồng – không yêu cầu tính lãi.

Những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa thừa nhận nội dung Cáo trạng nêu là đúng với diễn biến thực tế và giữ nguyên lời khai đã trình bày trong quá trình điều tra.

Riêng ông Mai Quốc C và Nguyễn Minh K trình bày không biết hàng hóa bị cáo nhờ bán là tài sản chiếm đoạt, số tiền hoa hồng được hưởng là do phía người mua trích lại, không phải do bị cáo đưa nên không đồng ý giao nộp.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng truy tố bị cáo, đề nghị xem xét về quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã ra đầu thú và tác động gia đình bồi thường một phần cho bị hại, cha bị cáo là người có công được tặng thưởng nhiều huân huy chương. Đồng thời đề nghị khấu trừ giá trị hàng Công ty BK đã thu hồi, khoản tiền là chi phí ngoại giao được Công ty BK chấp nhận và số tiền truy thu từ Mai Quốc C, Nguyễn Minh K đã hưởng lợi phải nộp lại là 280.000.000 đồng để quy kết trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đối với hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” do bị cáo thực hiện nhằm che dấu hành vi phạm tội khác và chỉ phát tán nội bộ nên chưa gây tác động lớn. Do vậy đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đã truy tố. Ngoài ra do quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 có những sửa đổi liên quan đến điều luật truy tố bị cáo so với quy định tương ứng của Bộ luật hình sự năm 1999 nên đề nghị vận dụng theo hướng có lợi cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 14/11/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài

sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 140 và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ nên giữ nguyên. Đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo do hình phạt ở điều luật tương ứng với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 có nhẹ hơn. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 341, điểm b, s, x khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 47, 48 và 55 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 của Quốc Hội; xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 22.573.449.702 đồng; buộc Mai Quốc C và Nguyễn Minh K nộp lại số tiền đã hưởng lợi là 280.000.000 đồng như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu sung công quỹ các điện thoại di động, laptop và ô cứng của bị cáo do liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo căn cước công dân và đồng hồ hiệu Rolex. Các tài liệu, con dấu được xác định làm giả cần tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có ý kiến gì trình bày đối với lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về thủ tục, các cơ quan tố tụng đã tiến hành tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: các chứng cứ được thu thập hợp pháp đã đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Nguyễn Trí Đ trong thời gian được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty BK chi nhánh Cần Thơ 1 và 2 từ tháng 4/2015 đến 07/02/2017 đã có hành vi lợi dụng quyền quản lý, điều hành chi nhánh và chính sách bán hàng của Công ty BK để mang hàng hóa của Công ty BK đi bán và không đăng nộp tiền hàng cho Công ty mà sử dụng số tiền bán hàng để chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng thanh toán. Để che dấu hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty BK bị cáo đã yêu cầu thuộc cấp xuất hàng mà không xuất hóa đơn, không báo cáo về Công ty về số lượng, chủng loại hàng hóa xuất bán cũng như không đăng nhập đầy đủ thông tin vào phần mềm quản lý bán hàng VNES của Công ty BK theo quy định nội bộ. Ngoài ra, để đối phó với việc kiểm tra của Công ty bị cáo còn làm giả 03 tài liệu gồm Hợp đồng Kinh tế số 48/2016/HĐKT ghi ngày 28/7/2016 cung cấp gói mua sắm, cung cấp thiết bị với Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ với giá trị hợp đồng là 06 tỷ đồng và Phụ lục mở rộng số 1 ngày 15/8/2016 với Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ với giá trị 1.750.000.000 đồng; một hợp đồng kinh tế số 49/HĐKT/PKDA ghi ngày 29/7/2016 với Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ với giá trị là 1.600.100.000 đồng nhằm hợp thức hóa số lượng hàng hóa đã bị thất thoát. Hành vi này đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty BK. Kết quả điều tra thể hiện giá trị

tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 23.349.849.702 đồng và đến thời điểm hiện tại bị cáo không còn khả năng khắc phục. Do vậy, có đủ cơ sở quy kết bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả điều tra cũng thể hiện bị cáo đã yêu cầu Nguyễn Phong P, chủ cơ sở khắc dấu Phong Phú làm giả con dấu của Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Cần Thơ, con dấu của Trung tâm Thể dục, thể thao thành phố Cần Thơ, con dấu tên của người đứng đầu các đơn vị này và lập hai hợp đồng kinh tế và 01 phụ lục hợp đồng kinh tế giả của Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ với nội dung mua bán hàng hóa không có thực, bên dưới có chữ ký tên và đóng dấu giả. Các tài liệu này được thu giữ tại nơi ở của bị cáo, trong thiết bị vi tính cá nhân, do Giám đốc Công ty BK và kế toán trưởng chi nhánh Cần Thơ giao nộp được bị cáo xác định do chính bị cáo tạo ra để đối phó với đợt kiểm tra của Công ty BK ngày 03.8.2016. Do vậy, bị cáo bị truy tố về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức trong hoạt động kinh doanh và còn xâm phạm trật tự quản lý hành chính, làm ảnh hưởng đến uy tín của các đơn vị có liên quan. Hành vi kéo dài và thiệt hại gây ra là đặc biệt nghiêm trọng nên cần có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ra đầu thú, khắc phục một phần hậu quả và gia đình có cha ruột là người có công cũng như vẫn đề áp dụng quy định tương ứng trong Bộ luật hình sự năm 2015 theo hướng có lợi cho bị cáo. Tuy nhiên, do tài sản chiếm đoạt có giá trị đặc biệt lớn, số tiền khắc phục hậu quả không đáng kể nên mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là chưa tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

Về trách nhiệm dân sự: cần buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với số tiền đã chiếm đoạt, có khấu trừ phần tài sản được thu hồi theo giá trị được thống nhất giữa bị cáo và bị hại là 676.400.000 đồng và 124.000.000 đồng chi phí quan hệ khách hàng và số tiền gia đình bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả là 100.000.000 đồng. Còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 22.573.449.702 đồng.

Đối với số tiền ông Mai Quốc C và Nguyễn Minh K lợi do môi giới mua bán hàng cho bị cáo không phải số tiền bị cáo trực tiếp đưa mà do nhận được từ người mua hàng nên không có cơ sở để buộc nộp lại.

Về tang vật: ghi nhận cơ quan điều tra đã xử lý tài sản bằng hình thức trả lại cho bị hại 74 mặt hàng thu hồi từ những người mua hàng của bị cáo. Các tang vật còn lại chấp nhận xử lý theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Trí Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[2] Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 341, điểm b, s, x khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 47, 48 và 55 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 của Quốc Hội .

[3] Xử phạt:

Nguyễn Trí Đ 16 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 18 năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 14.02.2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 22.573.449.702 đồng (đã khấu trừ số tiền là giá trị hàng thu hồi, tiền chi phí quan hệ khách hàng và tiền gia đình bị cáo khắc phục hậu quả).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải chịu thanh toán lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định vào thời điểm thi hành án, đối với số tiền chậm thi hành.

[5] Về tang vật: tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 laptop hiệu Macbook và 01 ổ cứng di động hiệu HDD Enclosure của bị cáo, trả lại cho bị cáo căn cước công dân và đồng hồ hiệu Rolex; tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu, con dấu được xác định làm giả.

[6] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 130.573.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Viện KSND TPCT;
- Sở tư pháp TPCT;
- Công an TPCT;
- Cục THADS TPCT;
- Trại tạm giam CA – TPCT;
- Bị cáo và những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thụy Vũ